

Số: 88 /BC-UBND

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP,
Nghị định số 112/2011/NĐ-CP và Nghị định số 29/2013/NĐ-CP của Chính phủ**

Thực hiện Công văn số 1206/BNV-CQĐP ngày 06/3/2017 của Bộ Nội vụ, về việc báo cáo tổng kết, triển khai thực hiện các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009, về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP và Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011, về công chức xã, phường, thị trấn; qua rà soát, tổng hợp, UBND tỉnh Đắk Lắk báo cáo tình hình thực hiện các Nghị định nêu trên, như sau:

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NGHỊ ĐỊNH

1. Khái quát đặc điểm, tình hình của địa phương

Đắk Lắk là tỉnh trung tâm vùng Tây Nguyên, có vị trí chiến lược quan trọng cả nước về an ninh, quốc phòng và kinh tế xã hội; có diện tích tự nhiên 1.312.345 ha, dân số hơn 1,8 triệu người; có đường biên giới giáp với Vương quốc Campuchia khoảng 73 km, với 47 dân tộc anh em cùng chung sống.

Toàn tỉnh có 15 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: 01 thị xã, 01 thành phố và 13 huyện.

Có 184 đơn vị hành chính cấp xã (gồm: 20 phường, 12 thị trấn và 152 xã). Trong đó: Có 119 đơn vị hành chính cấp xã loại I, 61 đơn vị hành chính cấp xã loại II, 04 đơn vị hành chính cấp xã loại III.

Toàn tỉnh có 2.481 thôn, buôn, tổ dân phố (cụ thể: 1.550 thôn, 613 buôn và 318 tổ dân phố).

2. Kết quả thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP, Nghị định số 112/NĐ-CP của Chính phủ

a) Đối với cán bộ, công chức cấp xã:

- Về chức vụ, chức danh, số lượng cán bộ, công chức cấp xã:

+ Về chức vụ, chức danh: UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đúng theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP, theo đó, ở cấp xã có: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND; Chủ tịch UBNDTTQVN; Bí thư Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;

Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam; Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam; Trưởng Công an; Chỉ huy trưởng Quân sự; Văn phòng – Thống kê; Địa chính – Xây dựng; Tài chính – Kế toán; Tư pháp – Hộ tịch; Văn hóa – Xã hội;

+ Về số lượng: Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP, số lượng cán bộ, công chức cấp xã là: Cấp xã loại I không quá 25 người, cấp xã loại II không quá 23 người và cấp xã loại III không quá 21 người. Tổng số cán bộ, công chức cấp xã trên toàn tỉnh là 4.381 người. Trong đó: 2.108 cán bộ, 2.273 công chức.

- Về chất lượng cán bộ, công chức cấp xã: Có 07 người trình độ chuyên môn trên đại học, 2.006 đại học, 217 cao đẳng, 1.612 trung cấp, 539 sơ cấp và chưa qua đào tạo.

(Có bảng thống kê số lượng, chất lượng cán bộ, công chức kèm theo).

- Về chế độ, chính sách áp dụng đối với cán bộ, công chức cấp xã:

+ Về xếp lương: UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành chức năng, địa phương thực hiện việc xếp lương đối với cán bộ, công chức cấp xã theo đúng quy định hiện hành; đồng thời, tỉnh triển khai thực hiện việc xếp lương đối với cán bộ cấp xã có trình độ lý luận chính trị theo quy định tại Công văn số 3692-CV/BTCTW ngày 31/10/2012 của Ban Tổ chức Trung ương, về việc xếp ngạch, bậc lương đối với cán bộ cấp xã có trình độ lý luận chính trị.

Cán bộ, công chức cấp xã sau khi được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn từ Trung cấp trở lên, được Sở Nội vụ thỏa thuận xếp lương như công chức hành chính quy định tại bảng lương số 2 ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ.

+ Về nâng bậc lương: UBND tỉnh đã phân cấp cho UBND cấp huyện thực hiện việc nâng bậc lương thường xuyên đối với cán bộ, công chức cấp xã đúng theo quy định hiện hành; UBND huyện ban hành quyết định nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức cấp xã có thành tích xuất sắc trong thực thi nhiệm vụ sau khi có thỏa thuận bằng văn bản của Sở Nội vụ.

+ Về các chế độ phụ cấp: Triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP, như: Phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp theo loại xã, phụ cấp kiêm nhiệm chức danh.

+ Việc thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với cán bộ, công chức cấp xã đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 11 của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP.

- Về công tác quy hoạch, tạo nguồn và đào tạo, bồi dưỡng:

+ Công tác quy hoạch, tạo nguồn: Thực hiện theo phân cấp cán bộ của tỉnh, hàng năm thực hiện các văn bản chỉ đạo của các cấp ủy đảng, UBND cấp huyện đã phối hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành quy hoạch, tạo nguồn đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã để cử đi đào tạo đảm bảo các tiêu chuẩn của

từng chức danh quy hoạch, tạo nguồn; đặc biệt là trong chỉ đạo thực hiện công tác quy hoạch, tạo nguồn đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn lực tại chỗ.

+ Về công tác đào tạo, bồi dưỡng: Trong thời gian qua, tỉnh đã triển khai thực hiện tốt công tác đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã; triển khai, thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án của Trung ương như: Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020; Quyết định 124/QĐ-TTg ngày 16/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Đề án tiếp tục củng cố, kiện toàn chính quyền cơ sở vùng Tây Nguyên giai đoạn 2014 - 2020 và đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ.

Trong năm 2016 toàn tỉnh đã tổ chức 15 lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, 02 lớp Trung cấp lý luận chính trị và 05 lớp đào tạo tiếng Ê đê cho cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở.

Trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức cấp xã so với năm 2012: Chưa qua đào tạo và sơ cấp: Năm 2012 là 1.372 người (chiếm 32,25%), năm 2017 là 539 người (chiếm 11,30%), giảm 833 người. Trung cấp: Năm 2012 là 2.089 người (chiếm 49,10%), năm 2017 là 1.612 người (chiếm 36,80%), giảm 477 người. Cao đẳng: Năm 2012 là 209 người (chiếm 4,91%), năm 2017 là 217 người (chiếm 4,95%), tăng 08 người. Đại học: Năm 2012 là 584 người (chiếm 13,73%), năm 2017 là 2.006 người (chiếm 45,79%), tăng 1.422 người và tăng 07 người có trình độ trên đại học.

- Về tuyển dụng công chức cấp xã: Thực hiện Nghị định số 112/2011/NĐ-CP của Chính phủ, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 14/7/2014, quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 14/7/2014, về ban hành quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 01/10/2015, về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh được ban hành kèm theo Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND, ngày 14/7/2014 của UBND tỉnh.

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện việc tuyển dụng công chức cấp xã theo đúng quy định. Trong năm 2015 và năm 2016 đã tuyển dụng 327 công chức cấp xã. Trong đó: Thông qua hình thức xét tuyển là 148 người¹; thông qua hình thức thi tuyển là 179 người².

- Về điều động, tiếp nhận công chức cấp xã: UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND cấp huyện thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 112/2011/NĐ-CP.

¹ 38 Trường Công an xã, 56 Chi huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự cấp xã, 16 Văn phòng – Thống kê, 14 Tài chính – Kế toán, 07 Địa chính – Xây dựng, 10 Văn hóa – Xã hội và 07 Tư pháp – Hộ tịch.

² 42 Văn phòng – Thống kê, 43 Tài chính – Kế toán, 24 Địa chính – Xây dựng, 31 Văn hóa – Xã hội và 39 Tư pháp – Hộ tịch.

- Về xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức cấp xã: UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện đúng theo quy định hiện hành. Ngoài ra, đối với kỷ luật cán bộ xã, thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ tại Công văn số 5528/BNV-CQĐP ngày 05/12/2014, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 quy định về xử lý kỷ luật cán bộ xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

b) Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, buôn, tổ dân phố:

- Về số lượng và chức danh người hoạt động không chuyên trách: Thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ; HĐND tỉnh Đắk Lắk ban hành Nghị Quyết số 33/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010, quy định chức danh, số lượng, hệ số phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, buôn, tổ dân phố và sinh hoạt phí đối với một số chức danh cán bộ cơ sở. Trong đó, số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo loại đơn vị hành chính được quy định: Xã loại I là không quá 22 người, xã loại II là không quá 20 người và xã loại III là không quá 19 người; đồng thời, quy định thêm 05 người làm việc ở xã nhưng không được coi là những người hoạt động không chuyên trách, gồm: Trưởng khối Dân vận, Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng cơ sở, cán bộ Tổ chức, cán bộ Tuyên giáo và cán bộ Dân vận; ở thôn, tổ dân phố là 05 người (tăng 02 người so với quy định là Phó Bí thư và Phó Trưởng thôn, buôn, tổ dân phố; ngoài ra còn quy định thêm 06 chức danh: Trưởng Ban công tác Mặt trận và trưởng các Chi hội: Phụ nữ, Cựu chiến binh, Nông dân, Chi đoàn thanh niên, Chi hội Liên hiệp thanh niên thôn).

- Về chế độ, chính sách áp dụng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố:

+ Về chế độ phụ cấp: Theo Nghị quyết số 33/2010/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, thì hệ số phụ cấp và mức sinh hoạt phí của những người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở, gồm: Ở cấp xã cao nhất là 1,34 lần mức lương cơ sở (bao gồm cả phụ cấp đặt thù vùng Tây Nguyên), thấp nhất là 0,56 lần mức lương cơ sở và ở thôn, buôn, tổ dân phố cao nhất là 0,56 lần mức lương cơ sở, thấp nhất là 0,18 lần mức lương cơ sở.

+ Về đào tạo, bồi dưỡng: Thực hiện Quyết định 124/QĐ-TTg ngày 16/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ, trong năm 2016 tỉnh đã tổ chức 12 lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn với 1.397 lượt người tham gia³.

+ Về chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế: Đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã được hưởng bảo hiểm y tế theo đúng quy định tại Nghị định số 29/2013/NĐ-CP.

³ Tại các huyện gồm: Buôn Đôn, Krông Ana, Krông Bông, và Krông Năng, Cư M'gar, Ea H'leo, Ea Kar, Ea Súp, Lắk và M'Drắk.

3. Kết quả thực hiện Nghị định số 29/2013/NĐ-CP

a) Về chế độ lương áp dụng đối với Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã:

UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện đúng theo quy định tại Khoản 1, Điều 1 Nghị định số 29/2013/NĐ-CP, theo đó, “đối với Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam cấp xã là người đang hưởng chế độ hưu trí, ngoài lương hưu hiện hưởng, hằng tháng được hưởng 100% mức lương bậc I của chức danh hiện đảm nhiệm theo quy định tại Điểm a Khoản 1, Điều 5 Nghị định này và không phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Sau thời gian đủ 5 năm (60 tháng) xếp bậc 1, nếu hoàn thành nhiệm vụ được giao và không bị kỷ luật trong suốt thời gian này thì được hưởng 100% mức lương bậc 2 của chức danh đảm nhiệm”.

b) Về thực hiện khoản quỹ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, buôn, tổ dân phố:

Thực hiện khoản quỹ phụ cấp do ngân sách trung ương bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế (xã loại I được khoản quỹ phụ cấp bằng 20,3 tháng lương tối thiểu chung; xã loại II được khoản quỹ phụ cấp bằng 18,6 tháng lương tối thiểu chung; xã loại III được khoản quỹ phụ cấp bằng 17,6 tháng lương tối thiểu chung; đối với thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn thuộc xã biên giới, hải đảo; thôn thuộc xã có khó khăn về ngân sách theo quy định của Bộ Tài chính và thôn thuộc xã loại I, xã loại II được khoản quỹ phụ cấp bằng 5,0 tháng lương tối thiểu chung; đối với các thôn còn lại và các tổ dân phố được khoản quỹ phụ cấp bằng 3,0 tháng lương tối thiểu chung), phần còn lại do ngân sách tính cân đối đảm bảo chi trả.

c) Thực hiện Nghị định số 29/2013/NĐ-CP, HĐND tỉnh Đắk Lắk ban hành Nghị quyết số 146/2014/NQ-HĐND ngày 13/12/2014, về việc sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 1, Nghị quyết số 33/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của HĐND tỉnh, về quy định chức danh, số lượng, hệ số phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, buôn, tổ dân phố và sinh hoạt phí đối với một số chức danh cán bộ cơ sở. Trong đó quy định:

- Về số lượng và chức danh: Thực hiện theo Nghị quyết số 33/2010/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

- Quy định về mức phụ cấp, mức hưởng sinh hoạt phí và mức phụ đối với từng chức danh, mức phụ cấp cao nhất là 1,64 tháng lương tối thiểu chung, mức sinh hoạt phí thấp nhất là 0,20 tháng lương tối thiểu chung; mức phụ cấp kiêm nhiệm là 40% mức phụ cấp hoặc sinh hoạt phí hiện hưởng.

- Quy định cụ thể mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn, buôn, tổ dân phố:

+ Phí hoạt động cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã là 8.000.000 đồng/năm;

+ Phí hoạt động cho các tổ chức đoàn thể cấp xã, gồm: Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên là 7.000.000 đồng/năm;

+ Phí hoạt động cho cho mỗi Tổ Dân vận ở thôn, buôn, tổ dân phố là 2.500.000 đồng/năm;

+ Mức quà thăm hỏi đối với già làng là 400.000 đồng/người/năm.

Ngoài những chức danh không chuyên trách được quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP và Nghị định 29/2013/NĐ-CP, HĐND tỉnh ban hành một số Nghị quyết quy định về những chức danh khác theo văn bản của Trung ương như: Nghị quyết số 142/2014/NQ-HĐND, ngày 13/12/2014 quy định về mức chi thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh⁴; Nghị quyết số 11/2009/NQ-HĐND, ngày 10/7/2009 về việc điều chỉnh một số chế độ, chính sách đối với công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình⁵; Nghị quyết số 105/2013/NQ-HĐND, ngày 20/12/2013 về công tác viên kiêm nhiệm bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh⁶; Nghị quyết số 41/2011/NQ-HĐND, ngày 22/12/2011 về việc xây dựng hệ thống khuyến nông viên cơ sở tỉnh Đắk Lắk⁷,...

4. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP, Nghị định số 112/NĐ-CP và Nghị định số 29/2013/NĐ-CP

a) Những kết quả đạt được:

Thực hiện các Nghị định của Chính phủ và được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, trong những năm qua đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã của tỉnh không ngừng được nâng cao về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị, đáp ứng được yêu cầu phát triển và thực thi nhiệm vụ ở cơ sở trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn mới. Việc quản lý về công tác nhân sự cấp xã và thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã được đảm bảo, ổn định làm cơ sở cho cán bộ, công chức cấp xã yên tâm phục vụ công tác, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, buôn, tổ dân phố trong những năm qua luôn được các cấp chính quyền quan tâm. Việc chi trả chế độ phụ cấp kịp thời đối với những người hoạt động không chuyên trách theo quy định, phần nào đã động viên, khuyến khích người hoạt động không chuyên trách tích cực công tác, không ngừng phấn đấu để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Người hoạt động không chuyên trách cấp xã được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định.

Trong đó tình đặc biệt chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm chuẩn hóa về trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công chức; việc quy định tiêu

⁴ Căn cứ Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP, ngày 30/7/2014 của Bộ tài Chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở.

⁵ Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BYT, ngày 14/5/2008 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy Dân số - Kế hoạch hóa gia đình ở địa phương.

⁶ Căn cứ Quyết định số 1555/QĐ-TTg, ngày 17/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ, về phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em, giai đoạn 2012-2020.

⁷ Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP, ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông; Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN, ngày 15/11/2010 của liên Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp – Phát triển nông thôn, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông.

chuẩn cụ thể đối với chức danh công chức cấp xã khi được tuyển dụng đầu vào nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ công chức cấp xã.

- Chất lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã ngày một nâng cao, hàng năm được tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng vận động và tập hợp quần chúng, tuyên truyền chủ trương đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của nhà nước.

- Chất lượng những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn, tổ dân phố từng bước được nâng lên, UBND tỉnh giao Sở Nội vụ phối hợp với Trường Chính trị tỉnh và các đơn vị đào tạo, bồi dưỡng tổ chức các lớp bồi dưỡng kỹ năng vận động và tập hợp quần chúng, tuyên truyền chủ trương đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của nhà nước cho Trường thôn, buôn tổ dân phố; đặc biệt là bồi dưỡng theo Quyết định số 124/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

b) Những hạn chế, bất cập:

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP, Nghị định số 112/NĐ-CP và Nghị định số 29/2013/NĐ-CP của Chính phủ tại địa phương cũng còn có những tồn tại, bất cập, cụ thể như sau:

- Hiện nay, tình còn vướng mắc trong việc chuyển xếp và bổ nhiệm ngạch lương cho cán bộ, công chức cấp xã có bằng nghề; giấy chứng nhận học xong chương trình trung cấp, cao đẳng ngành quân sự cơ sở trước đây nhưng đến nay chưa có bằng nên không xếp lương được gây thiệt thòi cho cán bộ, công chức cấp xã. Đặc biệt, đối với các trường hợp cán bộ, công chức cấp xã tự túc đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn lên cao đẳng, đại học (không được cơ quan có thẩm quyền cử đi học) cũng không được chuyển ngạch, xếp lương.

- Việc tuyển dụng công chức cấp xã đối với trường hợp đặc biệt: Người có kinh nghiệm công tác, theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 21 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP chỉ quy định: *“có trình độ đào tạo từ đại học trở lên, có ít nhất 05 năm công tác (không kể thời gian tập sự, thử việc) trong ngành, lĩnh vực cần tuyển, đáp ứng được ngay yêu cầu của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng.”*

Tuy nhiên, tại điểm b, Khoản 2, Điều 15, Thông tư số 06/2012/TT-BNV của Bộ Nội vụ quy định bổ sung thêm: *“Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên; hiện đang công tác trong ngành, lĩnh vực cần tuyển; có thời gian từ đủ 60 tháng trở lên làm công việc phù hợp với yêu cầu của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng (không kể thời gian làm việc theo chế độ hợp đồng lao động ở cấp xã, thời gian tập sự, thử việc; nếu có thời gian công tác không liên tục thì được cộng dồn); trong thời gian công tác 05 năm gần nhất không vi phạm pháp luật đến mức bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đáp ứng được ngay yêu cầu của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng.”*

Do đó, những người đang hợp đồng tại vị trí việc làm của công chức cấp xã có thời gian từ 60 trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) đều không thuộc đối tượng tiếp nhận không qua thi tuyển, điều này làm ảnh hưởng lớn đến

công tác tuyển dụng của UBND cấp huyện và gây thiệt thòi đối với những người đã công tác lâu năm tại cấp xã.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng đã được chú trọng quan tâm nhưng so với yêu cầu của tỉnh vẫn còn chưa đủ, nhất là đối với cán bộ, công chức công tác tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số do hạn chế về nguồn lực tài chính.

- Chế độ phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở hiện nay còn thấp chưa đáp ứng được nhu cầu của cuộc sống nên hầu hết những người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở chưa yên tâm công tác, làm ảnh hưởng đến công việc ở thôn, buôn, tổ dân phố.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Nghị định số 92/2009/NĐ-CP và Nghị định số 29/2013/NĐ-CP

- Đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, thống nhất với các Bộ, ngành tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định mới quy định cụ thể số lượng, chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, buôn, tổ dân phố; đồng thời, nên tập hợp tất cả các quy định liên quan đến chế độ, chính sách cho cán bộ ở cơ sở vào một Nghị định thay vì giao cho mỗi ngành tham mưu cho Chính phủ một Nghị định liên quan đến chế độ, chính sách của ngành mình như hiện tại.

- Đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, tham mưu Chính phủ tăng mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở; quy định khoán quỹ phụ cấp đối với các tổ dân phố thuộc cấp xã loại I, cấp xã loại II như các thôn, buôn thuộc các xã loại I, xã loại II.

- Đề nghị Bộ Nội vụ hướng dẫn việc chuyên xếp, bổ nhiệm ngạch lương đối với cán bộ, công chức cấp xã có bằng nghề hoặc có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình học chuyên môn nhưng không có bằng cấp (nhất là đối với sỹ quan Công an và sỹ quan Quân đội ra quân về công tác tại địa phương).

- Đề nghị Bộ Nội vụ hướng dẫn về thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, buôn, tổ dân phố.

- Đề nghị Bộ Nội vụ có hướng dẫn về việc bố trí, sắp xếp quản lý và sử dụng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, buôn, tổ dân phố, đặc biệt là vấn đề khen thưởng và kỷ luật.

2. Đối với Nghị định số 112/2011/NĐ-CP

Đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, sửa đổi điểm b, Khoản 2, Điều 25, Thông tư số 06/2012/TT-BNV cho phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 21 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP của Chính phủ; theo đó, đề nghị xem xét bãi bỏ quy định *"không kể thời gian làm việc theo chế độ hợp đồng lao động ở cấp xã"*.

Đề nghị Bộ Nội vụ tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định quy định về việc xử lý kỷ luật đối với cán bộ cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn buôn.

Đề nghị Bộ Nội vụ xem xét hai chức danh công chức là Trưởng Công an và Chỉ huy trưởng Quân sự nên đưa về chức danh cán bộ chuyên trách (vì hai chức danh trên trong nhiệm kỳ phải cơ cấu là Đảng ủy viên trong Ban chấp hành Đảng ủy cấp xã và theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương hai chức danh trên là Ủy viên UBND, nếu đưa sang công chức khi tuyển dụng công nhận là công chức nếu nhiệm kỳ sau hai chức danh trên không trùng cử là Đảng ủy viên hoặc Ủy viên UBND cấp xã thì không được bố trí làm Trưởng Công an và Chỉ huy trưởng Quân sự, nếu bố trí sang chức danh công chức khác thì bằng chuyên môn không phù hợp với vị trí việc làm và phải đào tạo lại chuyên môn đây là vấn đề bất cập trong công tác quản lý công chức cấp xã đối với hai chức danh trên).

Trên đây là Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP, Nghị định số 29/2013/NĐ-CP; UBND tỉnh Đắk Lắk báo cáo để Bộ Nội vụ xem xét, tổng hợp. /.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT, TH (Ph 12b).

CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị



(Kèm theo Báo cáo số: 88/BC-UBND, ngày 19/4/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ NĂM 2017

TT	Đơn vị	Trong đó		Trình độ đào tạo																							
		Người HDKCT cấp xã (quy định tại các nghị định và Quyết định của CP, TG CP)	Người HDKCT cấp xã (quy định tại các nghị định và Quyết định của CP, TTg CP)	Thạc sĩ	Dai học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp và chưa qua đào tạo	Học văn phổ thông	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Sơ cấp và chưa qua đào tạo	Trung cấp	Cư nhân	Cao cấp lý luận	Chưa qua đào tạo	chứng chỉ	Trung cấp trở lên	Cao nhất	Thấp nhất	Thấp nhất	Cao nhất	Thấp nhất			
1	TP Buôn Ma Thuột	430	375	55	54	60	20	18	76	11	171	37	11	79	344	121	132	21	156	103	324	99	331	1,64	1,00	1,64	0,87
2	TX Buôn Hồ	298	220	78	60	20	18	76	11	171	37	11	79	344	121	132	21	156	103	324	99	331	1,64	1,00	1,64	0,87	
3	Huyện Buôn Đôn	217				13	3	50	141	50	87	76	76	180	37	180	27	190	1,64	1,00	1,64	0,87	1,64	1,00	1,64	0,87	
4	Huyện Cư M'Gar	410	410						17	10	97	266	303	105	2								1,64	1,00	1,64	0,87	
5	Huyện Cư Kumin	161	155	50		24	13	58	66	120	41	44	117	4	67	94	1,64	1,00	1,64	0,87	1,64	1,00	1,64	0,87			
6	Huyện Ea H'leo	365	297	110	90	54	22	136	158	314	58	3	77	227	1	123	259	1,64	1,00	1,64	0,87	1,64	1,00	1,64	0,87		
7	Huyện Ea Kar	339	308	31	74	58	27	99	187	324	54	2	79	242	4	111	224	1,64	1,00	1,64	0,87	1,64	1,00	1,64	0,87		
8	Huyện Ea Súp	262	212	50	45	34	9	58	161	166	94	2	22	240			262	1,64	1,00	1,64	0,87	1,64	1,00	1,64	0,87		
9	Huyện M'Drăk	314	271	43	106	25	13	75	201	212	100	2	73	72	50	264	1,64	1,00	1,64	0,87	1,64	1,00	1,64	0,87			
10	Huyện Lắk	307	265	44	180	34	14	61	177	218	83	8	84	190			45	211	1,64	1,00	1,64	0,87	1,64	1,00	1,64	0,87	
11	Huyện Krông Ana	195	158	37	30	28	17	75	75	152	43		64	131			52	143	1,64	1,00	1,64	0,87	1,64	1,00	1,64	0,87	
12	Huyện Krông Bông	311	275	40	79	36	16	101	131	233	64	13	4	70	179	83	186	1,64	1,00	1,64	0,87	1,64	1,00	1,64	0,87		
13	Huyện Krông Buk	184	152	32	38	26	12	49	86	160	23	1	34	99			52	100	1,64	1,00	1,64	0,87	1,64	1,00	1,64	0,87	
14	Huyện Krông Năng	246	246		75	46	15	76	109	206	39	1	37	195			119	127	1,64	1,00	1,64	0,87	1,64	1,00	1,64	0,87	
15	Huyện Krông Pắc	453	342	111	90	54	22	136	231	392	58	3	77	374	2		123	329	1,64	1,00	1,64	0,87	1,64	1,00	1,64	0,87	
Tổng cộng		4492	3686	631	971	144	608	222	1182	1872	870	217	275	311	849	2847	14	991	2899								

Hệ số phụ cấp hàng tháng

Người HDKCT cấp xã (quy định tại các nghị định và Quyết định của CP, TTg CP)
 Người HDKCT cấp xã (quy định và Quyết định của CP, TTg CP)
 các quy định khác)

